

Số: /TB-ĐHKT

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2022

THÔNG BÁO
Tuyển sinh sau đại học năm 2022

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP, ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ, Quyết định số 1787/QĐ-ĐHQGHN ngày 10 tháng 6 năm 2019 và Quyết định số 2311/QĐ-ĐHQGHN ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế đào tạo tiến sĩ ban hành theo quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1080/QĐ-ĐHQGHN ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế tạm thời về công tác tuyển sinh sau đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ công văn số 3808/ĐHQGHN-ĐT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Đại học Quốc gia Hà Nội về tiêu chuẩn trình độ ngoại ngữ trong công tác tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 248/HD-ĐHQGHN ngày 27/01/2022 về Hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học năm 2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội;

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) thông báo tuyển sinh sau đại học năm 2022 như sau: gồm 2 phần (xét tuyển thẳng và tuyển sinh chung)

A. THÔNG TIN PHÂN XÉT TUYỂN THẲNG BÁC THẠC SĨ

1.1. Chỉ tiêu, các ngành xét tuyển:

Số TT	Ngành	Chỉ tiêu cả năm (Dự kiến)
1	Kinh tế chính trị	5
2	Tài chính - Ngân hàng	10
3	Quản lý kinh tế	5
4	Quản trị kinh doanh	10
5	Kinh tế quốc tế	5
6	Kế toán	5
7	Chính sách công và phát triển	5

1.2. Về bằng tốt nghiệp trình độ đại học: Đáp ứng một trong yêu cầu sau:

Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) và các ngành, chuyên ngành như sau:

1. Ngành Kinh tế chính trị: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế chính trị hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị; chuyên ngành sư phạm Kinh tế chính trị.
2. Ngành Tài chính - Ngân hàng: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính - Ngân hàng hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng.
3. Ngành Quản lý kinh tế: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản lý kinh tế.
4. Ngành Quản trị kinh doanh: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản trị kinh doanh.
5. Ngành Kinh tế quốc tế: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành: Kinh tế quốc tế; Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế quốc tế; Kinh doanh quốc tế; Kinh tế học; Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển.
6. Ngành Kế toán: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kế toán hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kế toán, Kiểm toán
7. Chuyên ngành Chính sách công và phát triển: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế phát triển, ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế phát triển.

1.3. Về điều kiện tiếng Anh:

Ứng viên đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ của chương trình dự tuyển được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ tiếng Anh, ngành sư phạm ngôn ngữ tiếng Anh hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng ngôn ngữ tiếng Anh;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 2 năm có chuẩn đầu ra về tiếng Anh đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ để dự tuyển CTĐT thạc sĩ và thí sinh đã có chứng chỉ tiếng Anh đáp ứng chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học;

- Một trong các chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và được ĐHQGHN công nhận (phụ lục 4 và phụ lục 5), còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

1.4. Quy định về mức điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học:

- Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:

+ Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất: 0.2 điểm, giải nhì 0.15 điểm, giải ba 0.1 điểm, giải khuyến khích 0.07 điểm.

+ Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất 0.1 điểm, giải nhì 0.07 điểm, giải ba 0.05 điểm.

- Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí ISI: 0.3 điểm; bài báo đăng trên tạp chí Scopus/quốc tế khác: 0.2 điểm; bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế/quốc gia: 0.15 điểm;

- Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0.5 điểm.

1.5. Thời gian đăng ký, nhận hồ sơ và lệ phí xét tuyển:

- Truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự thi trực tuyến theo hướng dẫn. Thí sinh đã đăng ký tài khoản trong những kỳ tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kỳ đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng ký dự tuyển trong năm 2022. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

- Thời gian đăng kí:

- Đợt 1: từ 8h00 ngày 17/01/2022 đến 17h00 ngày 01/4/2022.
- Đợt 2: từ 8h00 ngày 05/5/2022 đến 17h00 ngày 30/8/2022.

- Thí sinh dự tuyển theo diện xét tuyển thẳng ngoài việc đăng ký trực tuyến còn phải nộp đầy đủ hồ sơ tại HĐTS trong thời gian quy định. Nộp bản cứng hồ sơ theo quy định của Nhà trường (*Phụ lục 8* tại Phòng 401 nhà E4 hoặc qua đường bưu điện: Phòng Đào tạo: Phòng 401 Nhà E4, Trường Đại học Kinh tế, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Lệ phí xét tuyển thẳng là 260.000 đồng/01 thí sinh

- Hình thức nộp theo cú pháp trong Thông báo tuyển sinh chung.

1.6. Thời gian tổ chức xét tuyển thẳng và kết quả:

Thời gian xét tuyển thẳng:

- ***Đợt 1 trước ngày 09/4/2022***

- ***Đợt 2 trước ngày 10/9/2022***

(Những thí sinh không được tuyển thẳng có thể tham dự kỳ thi/xét tuyển đợt đó).

B.THÔNG TIN CHUNG VỀ TUYỂN SINH SDH

1. Thời gian tuyển sinh:

Năm 2022, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN tổ chức hai đợt tuyển sinh sau đại học:

Đợt 1 thi tuyển vào các ngày 16/04/2022, tổ chức đánh giá hồ sơ chuyên môn (tuyển sinh đào tạo tiến sĩ): Trước ngày 29/04/2022.

Đợt 2 thi tuyển vào các ngày 17/9/2022, tổ chức đánh giá hồ sơ chuyên môn (tuyển sinh đào tạo tiến sĩ): Trước ngày 30/9/2022.

Lịch tuyển sinh chi tiết:

Đợt 1

Trình độ	Công việc	Thời gian
Thạc sĩ	Tập trung thí sinh, thi môn Cơ bản/ bài thi Đánh giá năng lực (ĐGNL)	Sáng thứ Bảy, 16/4/2022
	Thi môn Cơ sở	Chiều thứ Bảy, 16/4/2022

Đợt 2

Trình độ	Công việc	Thời gian
Thạc sĩ	Tập trung thí sinh, thi môn Cơ bản/ bài thi ĐGNL	Sáng thứ Bảy, 17/9/2022
	Thi môn Cơ sở	Chiều thứ Bảy, 17/9/2022

2. Chỉ tiêu, các ngành và môn thi tuyển:

2.1. Bậc đào tạo Thạc sĩ

TT	Ngành/Chuyên ngành	Chỉ tiêu cả năm (Dự kiến)	Các môn thi tuyển	
			Môn cơ bản	Môn cơ sở
1	Kinh tế chính trị	15	Kinh tế chính trị	Lịch sử các học thuyết kinh tế
2	Tài chính - Ngân hàng	70	Đánh giá năng lực	Kinh tế học
3	Quản lý kinh tế	85	Kinh tế chính trị	Quản trị học
4	Quản trị kinh doanh	80	Đánh giá năng lực	Quản trị học
5	Kinh tế quốc tế	25	Đánh giá năng lực	Kinh tế quốc tế
6	Kế toán	25	Đánh giá năng lực	Nguyên lý kế toán
7	Chính sách công và phát triển	20	Đánh giá năng lực	Kinh tế học

2.2. Bậc đào tạo Tiến sĩ

TT	Các ngành tuyển sinh	Chỉ tiêu cả năm (Dự kiến)	Hồ sơ chuyên môn	Ghi chú
1	Kinh tế chính trị	4	Đánh giá Hồ sơ chuyên môn	Ngoại ngữ: Tiếng Anh
2	Kinh tế quốc tế	5		
3	Quản trị kinh doanh	8		
4	Tài chính - Ngân hàng	5		
5	Quản lý kinh tế	8		

3. Điều kiện dự thi, danh mục ngành đúng, ngành gần: (Phụ lục 1).

4. Danh mục các hướng nghiên cứu, danh sách các nhà khoa học có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh: (Phụ lục 2).

5. Cách tính điểm, quy trình và tiêu chí xét tuyển tiến sĩ: (Phụ lục 3)

6. Văn bằng đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp: Thí sinh dự thi có văn bằng đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có giấy công nhận của Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo tại thời điểm đăng ký trực tuyến.

7. Thời gian đào tạo chuẩn:

- Đối với đào tạo tiến sĩ: 3 năm đối với người có bằng thạc sĩ; 4 năm đối với người chưa có bằng thạc sĩ.

- Đối với đào tạo thạc sĩ: 2 năm.

8. Yêu cầu về môn thi Tiếng Anh:

8.1. Đối với thí sinh dự thi tiến sĩ: Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực tiếng Anh phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng Anh;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng Anh hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 4 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), được ĐHQGHN công nhận (quy định tại Phụ lục 4 và Phụ lục 5 của văn bản này), còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

* Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

8.2. Đối với thí sinh dự thi thạc sĩ: Ứng viên đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ của chương trình dự tuyển được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ tiếng Anh, ngành sư phạm ngôn ngữ tiếng Anh hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng ngôn ngữ tiếng Anh;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 2 năm có chuẩn đầu ra về tiếng Anh đáp ứng yêu cầu về năng

lực ngoại ngữ để dự tuyển CTĐT thạc sĩ (và thí sinh đã có chứng chỉ tiếng Anh đáp ứng chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học;

- Một trong các chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và được ĐHQGHN công nhận (phụ lục 4 và phụ lục 5), còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

* Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

8.3. Lưu ý:

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

- Các chứng chỉ ngoại ngữ sẽ được Trường Đại học Kinh tế gửi cho các cơ sở cấp chứng chỉ để thẩm định tính xác thực của chứng chỉ. Thí sinh phải chịu trách nhiệm theo các quy định tuyển sinh Sau đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội về tính xác thực của chứng chỉ đã nộp.

- Các chứng chỉ do các cơ sở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Cần thơ: Áp dụng chứng chỉ cấp sau ngày 15/05/2019. Các chứng chỉ do các cơ sở Trường ĐH Vinh, Học viện An ninh nhân dân: Áp dụng chứng chỉ cấp sau ngày 08/5/2020.

9. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

9.1. Đối tượng ưu tiên:

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 (theo bảng phân chia khu vực tuyển sinh THPT quốc gia hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác, quyết định tuyển dụng hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

9.2. Mức ưu tiên:

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn Tiếng Anh (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi Tiếng Anh và cộng 01 điểm (thang điểm 10) cho môn thi cơ bản hoặc 15 điểm (thang điểm 150) cho môn thi đánh giá năng lực.

- Việc xác định đối tượng ưu tiên phải được thực hiện tại thời điểm đăng ký dự thi. (không áp dụng đối với xét tuyển thẳng)

10. Lịch học bổ sung kiến thức: Thí sinh xem lịch đăng ký và học bổ sung kiến thức dự thi sau đại học của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN chi tiết tại địa chỉ: <http://ueb.edu.vn>.

11. Thời gian đăng ký và nhận hồ sơ:

11.1. Đối với thí sinh dự thi thạc sĩ: Năm 2022, việc đăng ký dự tuyển tiếp tục được thực hiện trên phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN. Nhiệm vụ của thí sinh: Truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự thi trực tuyến theo hướng dẫn. Thí sinh đã đăng ký tài khoản trong những kỳ tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kỳ đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng ký dự tuyển trong năm 2022. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

- Thời gian đăng ký:

- Đợt 1: từ 8h00 ngày 17/01/2022 đến 17h00 ngày 01/4/2022.
- Đợt 2: từ 8h00 ngày 05/5/2022 đến 17h00 ngày 30/8/2022.

Thí sinh dự tuyển theo phương án xét tuyển ngoài việc đăng ký trực tuyến còn phải nộp đầy đủ hồ sơ tại HĐTS trong thời gian quy định.

- Nộp lệ phí tuyển sinh theo quy định vào tài khoản của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN hoặc nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại Trường.

+ Nộp tiền vào tài khoản đơn vị theo thông tin sau:

Đơn vị thụ hưởng: Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

Số tài khoản: 222 100 0 755 9999 tại ngân hàng BIDV chi nhánh Thanh Xuân

Nội dung nộp: [Mã hồ sơ]_[Tên thí sinh...]_[ngày sinh...]_THS_[Ngành dự thi...]_LP tuyển sinh năm 2022

+ Nộp tiền mặt tại đơn vị: Phòng 405 (cửa số 1), Nhà E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy.
Thời gian nộp: Trong giờ hành chính.

11.2 Đối với thí sinh dự thi tiến sĩ: Năm 2022, việc đăng ký dự tuyển tiến sĩ được thực hiện trực tuyến một phần. Nhiệm vụ của thí sinh:

- Truy cập vào cổng đăng ký tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> để khai báo các thông tin cơ bản theo hướng dẫn như sau:

- Thời gian đăng ký:

○ Đợt 1: từ 8h00 ngày 17/01/2022 đến 17h00 ngày 01/4/2022.

○ Đợt 2: từ 8h00 ngày 05/5/2022 đến 17h00 ngày 30/8/2022.

Thí sinh đăng ký xét cấp học bổng dành cho nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc, ngoài việc nộp hồ sơ dự tuyển phải khai báo thông tin và nộp hồ sơ đăng ký xét cấp học bổng tại địa chỉ <http://hocbong.vnu.edu.vn>. Xem tại thông báo số 4196/TB-ĐHKT ngày 24 tháng 12 năm 2021 đường link:

http://ueb.edu.vn/Sub/64/newsdetail/HB_SDH/31037/nop-ho-so-de-nghi-xet-cap-hoc-bong-cua-%C4%91ai-hoc-quoc-gia-ha-noi-cho-nghien-cuu-sinhthuc-tap-sinh-co-nang-luc-nghien-cuu-xuat-sac.htm

- Nộp bản cứng hồ sơ theo quy định của Nhà trường (*Phụ lục 7*) (nộp trực tiếp tại Phòng 401 nhà E4 hoặc qua đường bưu điện: Phòng Đào tạo: Phòng 401 Nhà E4, Trường Đại học Kinh tế, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

- ***Thời gian khai báo thông tin trực tuyến và nhận hồ sơ (nếu hồ sơ chuyển qua đường bưu điện sẽ tính theo dấu bưu điện):***

- Thời gian nhận hồ sơ:

○ Đợt 1: từ 8h00 ngày 17/01/2022 đến 17h00 ngày 01/4/2022.

○ Đợt 2: từ 8h00 ngày 05/5/2022 đến 17h00 ngày 30/8/2022.

- Nộp lệ phí tuyển sinh theo quy định vào tài khoản của đơn vị hoặc nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại đơn vị.

+ Nộp tiền vào tài khoản đơn vị theo thông tin sau:

Đơn vị thụ hưởng: Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

Số tài khoản: 222 100 0 755 9999 tại ngân hàng BIDV chi nhánh Thanh Xuân

Nội dung nộp: [Mã ĐKDT]_[Tên thí sinh...]_[ngày sinh...]_TS_[Ngành dự thi...]_LP tuyển sinh năm 2022

+ Nộp tiền mặt tại Trường: Phòng 405 (cửa số 1), Nhà E4, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy.

Thời gian nộp: Trong giờ hành chính.

12. Hồ sơ dự thi thạc sĩ: Nộp tại thời điểm nhập học. Danh mục tài liệu kèm hồ sơ tuyển sinh (*Phụ lục 7*).

13. Lệ phí đăng ký hồ sơ dự thi:

13.1. Đối với thí sinh dự thi tiến sĩ:

- Lệ phí đăng ký hồ sơ dự thi: 60.000 đồng/thí sinh

- Lệ phí dự thi: 200.000 đồng/thí sinh

13.2. Đối với thí sinh dự thi thạc sĩ:

- Lệ phí đăng ký hồ sơ dự thi: 60.000 đồng/thí sinh

- Lệ phí dự thi: 310.000 đồng/thí sinh.

14. Thời gian công bố kết quả: Trước ngày **6/5/2022 (đợt 1)** và trước ngày **04/10/2022 (đợt 2)**.

15. Thời gian nhập học dự kiến: Trước ngày **6/6/2022 (đợt 1)** và trước ngày **08/10/2022 (đợt 2)**.

Lưu ý: Nhà trường tiến hành xác minh các loại văn bằng, chứng chỉ của các ứng viên dự tuyển đào tạo Sau đại học trước khi ra Quyết định công nhận học viên, nghiên cứu sinh.

16. Địa điểm liên hệ:

- Phòng Đào tạo: Phòng 401 Nhà E4, Trường Đại học Kinh tế, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại liên hệ: 024.37547506 (máy lẻ 315); **Website:** <http://ueb.edu.vn>;

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Các Sở, Ban, Ngành, UBND các tỉnh;
- Các Học viện, trường Cao đẳng, Đại học;
- Phòng tuyển sinh (để thực hiện)
- Phòng truyền thông và QTTH (để thực hiện);
- Trưởng các đơn vị trực thuộc (để p/h thực hiện);
- Lưu VT, ĐT. T26.

Nguyễn Trúc Lê

Phụ lục 1

Điều kiện về văn bằng, thâm niên công tác dự thi tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ tại

Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHKT ngày tháng 02 năm 2022
của Trường Đại học Kinh tế -ĐHQGHN)

1. Điều kiện dự thi tiến sĩ:

1.1. Điều kiện về văn bằng và công trình đã công bố:

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu và các công trình công bố (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kì yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

1.2. Điều kiện về thâm niên công tác:

Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất hai năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự thi, riêng đối với ngành Quản trị Kinh doanh tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học).

1.3. Danh mục các chuyên ngành phù hợp, chuyên ngành gần:

- Chuyên ngành Kinh tế chính trị: Kinh tế học, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản lý kinh tế, Chính trị học, Luật kinh tế, Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kinh doanh thương mại, Chính sách công, Quản lý công, Khoa học quản lý, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Chính sách công và Phát triển, Quản trị các tổ chức tài chính, Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp.

- Chuyên ngành Kinh tế quốc tế: Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Quản lý kinh tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Chính sách công và phát triển, Quản trị các tổ chức tài chính, Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp.

- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh: Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công

nghe, Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản lý kinh tế, Kinh doanh thương mại, Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Luật Kinh tế, Chính sách công và phát triển, Quản trị các tổ chức tài chính, Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp.

- Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng: Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Bảo hiểm, Kế toán, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Chính sách công và phát triển, Quản trị các tổ chức tài chính, Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp.

- Chuyên ngành Quản lý kinh tế: Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Luật Kinh tế, Chính sách công và phát triển, Quản trị các tổ chức tài chính, Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp.

2. Điều kiện dự thi thạc sĩ:

2.1. Ngành Kinh tế chính trị

2.1.1. Điều kiện về văn bằng

- Nhóm 1: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế chính trị hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị; chuyên ngành sư phạm Kinh tế chính trị.

- Nhóm 2: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Giáo dục chính trị (chuyên ban Kinh tế chính trị) hoặc ngành gần với ngành kinh tế chính trị: Kinh tế (không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về kinh tế chính trị), Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Giáo dục công dân; được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức với chương trình gồm 05 học phần (15 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
4	Kinh tế chính trị quốc tế	3
5	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi	3
Tổng cộng		15

- Nhóm 3: Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác và có bằng lí luận chính trị tương đương trình độ trung cấp trở lên được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 9 học phần (27 tín chỉ).

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
4	Kinh tế chính trị quốc tế	3
5	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi	3
6	Lịch sử kinh tế	3
7	Chính phủ và chính sách công	3
8	Kinh tế học về chi phí giao dịch	3
9	Kinh tế học môi trường	3
Tổng cộng		27

2.1.2. Điều kiện về thâm niên công tác

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 1 và nhóm 2 không yêu cầu kinh nghiệm công tác;

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 3: phải có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

2.2. Ngành Tài chính - Ngân hàng

2.2.1. Điều kiện về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính - Ngân hàng hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng: Kinh tế (Không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng); Quản trị Kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Bảo

hiểm; Kinh tế quốc tế; Kế toán; Kiểm toán, Quản trị nhân lực được dự thi sau khi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức với chương trình gồm 05 học phần (15 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	3
4	Quản trị ngân hàng thương mại	3
5	Tài chính doanh nghiệp 1	3
Tổng cộng		15

- Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng: Kinh tế (Không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng); Quản trị Kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Bảo hiểm; Kinh tế quốc tế; Kế toán; Kiểm toán, Quản trị nhân lực được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 09 học phần (27 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	3
4	Quản trị ngân hàng thương mại	3
5	Tài chính doanh nghiệp 1	3
6	Đầu tư tài chính	3
7	Nguyên lý kế toán	3
8	Nguyên lý marketing	3
9	Tín dụng ngân hàng	3
Tổng cộng		27

2.2.2. Điều kiện về thâm niên công tác

Các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện về văn bằng không yêu cầu kinh nghiệm công tác.

2.3. Ngành Quản lý kinh tế

2.3.1. Điều kiện về văn bằng

- Nhóm 1: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản lý kinh tế;

- Nhóm 2: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản lý kinh tế: Kinh tế quốc tế; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán, Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 05 học phần (15 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
5	Chính phủ và chính sách công	3
Tổng cộng		15

- Nhóm 3: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 09 học phần (27 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
5	Chính phủ và chính sách công	3
6	Khoa học quản lý	3
7	Kinh tế quốc tế	3
8	Kinh tế học về chi phí giao dịch	3
9	Kinh tế học môi trường	3
Tổng cộng		27

2.3.2. Điều kiện về thâm niên công tác

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 1 và 2: không yêu cầu kinh nghiệm công tác;

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 3 có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi. (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi) tại một trong những vị trí, lĩnh vực công tác sau đây:

+ Lãnh đạo, chuyên viên, nghiên cứu viên các đơn vị có chức năng nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các chính sách quản lý kinh tế của nhà nước hoặc của các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội;

+ Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước;

+ Lãnh đạo từ cấp phó phòng hoặc tương đương trở lên tại các tập đoàn kinh tế, các tổ chức kinh tế nhà nước và tư nhân.

2.4. Ngành Quản trị kinh doanh

2.4.1. Điều kiện về văn bằng

- Nhóm 1: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản trị kinh doanh;

- Nhóm 2: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Quản trị kinh doanh: Kinh tế (không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản trị kinh doanh); Kinh tế quốc tế; Marketing; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán và đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 05 học phần (15 tín chỉ).

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Nguyên lý Quản trị Kinh doanh	3
5	Nguyên lý Marketing	3
Tổng cộng		15

- Nhóm 3: Có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh: Quốc tế học, Du lịch, Giáo dục chính trị, Ngôn ngữ Anh, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng và các ngành thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và truyền thông, Pháp luật, Toán và thống kê, Máy

tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng, Nông, lâm nghiệp và thủy sản, Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân và đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 09 học phần (27 tín chỉ).

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Nguyên lý Quản trị Kinh doanh	3
5	Nguyên lý Marketing	3
6	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3
7	Quản trị tài chính	3
8	Quản trị Nguồn nhân lực	3
9	Quản trị chiến lược	3
Tổng cộng		27

2.4.2. Điều kiện về thâm niên công tác

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 1 và 2: Không yêu cầu kinh nghiệm công tác;

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 3: Phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

2.5. Ngành Kinh tế quốc tế

2.5.1. Điều kiện về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành: Kinh tế quốc tế; Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế quốc tế; Kinh doanh quốc tế; Kinh tế học; Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển được dự thi ngay.

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành kinh tế quốc tế: Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Thống kê kinh tế; Kinh tế du lịch; Thương mại điện tử; Quản lý dự án; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Kinh tế công nghiệp; Kinh doanh thời trang và dệt may; Quản lý công; Quản lý công nghiệp; Kinh tế xây dựng; Kinh tế vận tải; Kinh tế gia đình; Luật Kinh tế; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý đất đai; Quản lý tài

nguyên và môi trường được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 05 học phần (15 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế quốc tế	3
2	Kinh doanh quốc tế	3
3	Thương mại quốc tế	3
4	Đầu tư quốc tế	3
5	Tài chính quốc tế	3
Tổng cộng		15

2.5.2. Điều kiện về thâm niên công tác

Các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện về văn bằng không yêu cầu kinh nghiệm công tác.

2.6. Ngành Kế toán

2.6.1. Điều kiện về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kế toán hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kế toán, Kiểm toán;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính Ngân hàng, Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại được dự sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 05 học phần (15 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Nguyên lý Kế toán	03
2	Tài chính doanh nghiệp	03
3	Kế toán tài chính	03
4	Hệ thống thông tin kế toán	03
5	Kiểm toán tài chính	03
Tổng cộng		15

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế và đã có chứng chỉ kế toán viên/hoặc kế toán trưởng được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức với chương trình gồm 07 học phần (21 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Nguyên lý Kế toán	03
2	Tài chính doanh nghiệp	03
3	Kế toán tài chính	03
4	Hệ thống thông tin kế toán	03
5	Kiểm toán tài chính	03
6	Kế toán quản trị	03
7	Phân tích tài chính	03
Tổng cộng		21

2.6.2. Điều kiện về thâm niên công tác

Các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện về văn bằng không yêu cầu thâm niên công tác.

2.7. Chuyên ngành Chính sách công và phát triển

2.7.1. Điều kiện về văn bằng

- Nhóm 1: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế phát triển, ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế phát triển.

- Nhóm 2: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế phát triển hoặc ngành Kinh tế quốc tế; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán, Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại, Khoa học quản lí, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lí, Quản trị văn phòng được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 05 học phần (15 tín chỉ).

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế thể chế	03
2	Kinh tế công cộng	03
3	Kinh tế môi trường	03
4	Kinh tế phát triển	03
5	Chính sách công	03
Tổng cộng		15

- Nhóm 3: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 09 học phần (27 tín chỉ).

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	03
2	Kinh tế vĩ mô	03
3	Quản trị học	03
4	Kinh tế phát triển	03
5	Chính sách công	03
6	Quản trị chiến lược	03
7	Kinh tế thể chế	03
8	Kinh tế môi trường	03
9	Kinh tế công cộng	03
Tổng cộng		27

2.7.2. Điều kiện về thâm niên công tác

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 1 và nhóm 2 không yêu cầu thâm niên công tác.

- Những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn với chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự thi).

Phụ lục 2

Danh mục lĩnh vực nghiên cứu dự định nhận NCS và danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn NCS năm 2022

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHKT ngày tháng 02 năm 2022 của Trường Đại học Kinh tế -ĐHQGHN)

2.1. Ngành Kinh tế chính trị

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn	Số NCS có thể nhận
1	Mô hình phát triển kinh tế - xã hội	PGS.TS Trần Đức Hiệp PGS.TS. Mai Thị Thanh Xuân	1 - 3
2	Các loại thị trường ở Việt Nam	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp TS. Nguyễn Thị Hương Lan	1 - 3
3	Quan hệ giữa nhà nước và thị trường	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp TS. Nguyễn Thùy Anh	1 - 3
4	Lợi ích kinh tế và phân phối thu nhập	PGS.TS Trần Đức Hiệp TS. Hoàng Triều Hoa	1 - 3
5	Đổi mới các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam	GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Nguyễn Trúc Lê	1 - 3
6	Phát triển kinh tế tư nhân	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hoài TS. Nguyễn Thùy Anh	1 - 3
7	Phát triển kinh tế tập thể	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hoài TS. Nguyễn Thùy Anh	1 - 3
8	Thu hút và sử dụng đầu tư nước ngoài	PGS.TS Trần Đức Hiệp TS. Ngô Đăng Thành	1 - 3
9	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp PGS.TS. Mai Thị Thanh Xuân	1 - 3
10	Nông nghiệp, nông thôn và nông dân	TS. Tô Thế Nguyên TS. Nguyễn Thị Lan Hương	1 - 3

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn	Số NCS có thể nhận
		TS. Hoàng Thị Hương	
11	Phát triển kinh tế tri thức	PGS.TS Trần Đức Hiệp TS. Tô Thế Nguyên	1 – 3
12	Phát triển ngành, vùng, lĩnh vực kinh tế	GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp PGS.TS Trần Đức Hiệp TS. Nguyễn Thị Hương Lan	1 – 3
13	Hội nhập kinh tế quốc tế	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp PGS.TS, Nguyễn Thị Thu Hoài TS. Nguyễn Thùy Anh	1 – 3
14	Tăng trưởng kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội	PGS.TS Trần Đức Hiệp TS. Tô Thế Nguyên	1 – 3
15	Tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường	PGS.TS Trần Đức Hiệp TS. Hoàng Thị Hương	1 – 3
16	Phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, an ninh	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp	1 - 3

2.2. Ngành Kinh tế Quốc tế:

TT	Hướng nghiên cứu	Họ tên, học vị, chức danh người có thể hướng dẫn NCS	Số NCS có thể nhận
1	Các lý thuyết về kinh tế thế giới, Thương mại Quốc tế, Đầu tư Quốc tế, Tài chính Quốc tế	PGS.TS. Hà Văn Hội PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi PGS.TS. Nguyễn Anh Thu TS. Nguyễn Cẩm Nhung PGS.TS Nguyễn Thị Kim Chi TS. Vũ Thanh Hương TS. Bùi Hồng Cường TS. Nguyễn Thị Vũ Hà TS. Nguyễn Tiến Dũng TS. Trần Việt Dung	1-3
2	Chính sách thương mại, tài chính và đầu tư quốc tế: kinh nghiệm của các nước trên thế giới và Việt Nam.	PGS.TS. Hà Văn Hội PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi TS. Nguyễn Cẩm Nhung PGS.TS Nguyễn Thị Kim Chi TS. Vũ Thanh Hương TS. Nguyễn Thị Vũ Hà TS. Nguyễn Tiến Dũng TS. Trần Việt Dung	1-3
3	Toàn cầu hoá, khu vực hoá và vấn đề hội nhập vào khu vực và thế giới của Việt Nam.	PGS.TS. Hà Văn Hội TS. Bùi Hồng Cường PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi PGS.TS. Nguyễn Anh Thu PGS.TS Nguyễn Thị Kim Chi	1-3
4	Kinh tế các nước và khu vực.	TS. Nguyễn Cẩm Nhung PGS.TS. Phạm Xuân Hoan PGS.TS. Hà Văn Hội	1-3

TT	Hướng nghiên cứu	Họ tên, học vị, chức danh người có thể hướng dẫn NCS	Số NCS có thể nhận
		TS. Vũ Thanh Hương PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi PGS.TS. Nguyễn Anh Thu PGS.TS Nguyễn Thị Kim Chi	
5	Chiến lược và mô hình kinh doanh quốc tế của các Doanh nghiệp trên thế giới và hàm ý đối với Việt Nam.	PGS.TS. Hà Văn Hội PGS.TS. Nguyễn Anh Thu TS. Trần Nguyễn Ngọc Cương PGS. TS. Nguyễn Việt Khôi TS. Nguyễn Tiến Minh TS. Bùi Hồng Cường TS. Nguyễn Thị Vũ Hà TS. Trần Việt Dung	1-3
6	Logistics và chuỗi cung ứng, Chuỗi cung ứng giá trị toàn cầu.	PGS.TS. Hà Văn Hội PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi TS. Nguyễn Tiến Minh	1-3

2.3. Ngành Quản trị kinh doanh:

TT	Hướng nghiên cứu	Họ tên, học vị chức danh người có thể hướng dẫn NCS	Số NCS có thể nhận
1	<ul style="list-style-type: none"> - Chiến lược cạnh tranh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, ngành, quốc gia. - Tác động của chiến lược tới chiến lược nhân lực; Văn hóa doanh nghiệp. - Quản trị sự thay đổi, tái cơ cấu doanh nghiệp 	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn TS. Đinh Văn Toàn TS. Nguyễn Ngọc Quý PGS.TS. Hoàng Văn Hải	3
2	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực lãnh đạo; - Định hướng lãnh đạo theo chủ thuyết hài hòa Đông – Tây - Văn hóa và Lãnh đạo chiến lược - Quản trị chiến lược Đông – Tây 	TS. Lưu Thị Minh Ngọc TS. Đặng Thị Hương TS. Trần Thị Hiền TS. Đinh Văn Toàn	2
3	Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn TS. Nguyễn Ngọc Quý	1
4	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực lãnh đạo, xây dựng khung năng lực cho cán bộ lãnh đạo - Đào tạo, phát triển nhân lực; Thù lao lao động - Quản lý thực hiện công việc - Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp nhà nước - Phát triển nhân lực địa phương 	GS.TS. Lê Quân PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn PGS.TS Trần Anh Tài TS. Lưu Thị Minh Ngọc	2
5	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển dụng nhân lực; Đào tạo, phát triển nhân lực; Thù lao lao 	TS. Đỗ Xuân Trường TS. Lưu Thị Minh Ngọc	2

TT	Hướng nghiên cứu	Họ tên, học vị chức danh người có thể hướng dẫn NCS	Số NCS có thể nhận
	<p>động; Thiết kế tổ chức và bố trí nhân lực; Định mức lao động</p> <p>- Phát triển nhân lực địa phương</p>		
6	<p>- Quản trị thương hiệu; Quản trị kênh phân phối.</p> <p>- Phát triển thị trường; Hành vi khách hàng.</p> <p>- Năng lực cạnh tranh; Chiến lược kinh doanh; Chiến lược Marketing</p>	<p>TS. Nguyễn Thu Hà</p> <p>TS. Nguyễn Thị Phi Nga</p> <p>TS. Vũ Thị Minh Hiền</p>	1
7	<p>- Marketing địa phương, digital marketing, CRM, quản trị thương hiệu, marketing dịch vụ, lập kế hoạch marketing, chiến lược marketing, truyền thông marketing tích hợp, quan hệ công chúng</p> <p>- Xây dựng Chiến lược KD, Chiến lược thu hút đầu tư</p> <p>- Nâng cao năng lực lãnh đạo, XD khung năng lực cho cán bộ lãnh đạo</p> <p>- Quản trị nguồn nhân lực, đào tạo bồi dưỡng nhân viên</p>	<p>PGS. TS. Hoàng Văn Hải</p> <p>TS. Vũ Thị Minh Hiền</p> <p>TS. Lưu Thị Minh Ngọc</p> <p>TS. Đỗ Xuân Trường</p> <p>GS.TS. Lê Quân</p>	2
8	<p>- Chiến lược marketing, Hành vi người tiêu dùng, Quản trị thương hiệu</p> <p>- Năng lực cạnh tranh, năng lực động của doanh nghiệp</p>	<p>PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn</p> <p>TS. Vũ Thị Minh Hiền</p> <p>PGS.TS. Phan Chí Anh</p>	1

TT	Hướng nghiên cứu	Họ tên, học vị chức danh người có thể hướng dẫn NCS	Số NCS có thể nhận
	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng học hỏi của doanh nghiệp và tác động tới kết quả kinh doanh - Năng lực IT và tác động tới kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; chất lượng dịch vụ 		
9	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển bền vững các ngành công nghiệp và dịch vụ dựa trên tiêu chí về chất lượng và môi trường - Các mô hình quản trị hiện đại; Quản trị tinh gọn - Quản trị công nghệ, đổi mới sáng tạo; Quản trị sản xuất và tác nghiệp; Ứng dụng kỹ thuật mô phỏng trong quản trị hiện đại 	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh PGS.TS Phan Chí Anh	2
10	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị sản xuất và tác nghiệp - Quản trị chất lượng; Chất lượng dịch vụ - Đổi mới sáng tạo. 	PGS.TS. Phan Chí Anh TS. Nguyễn Thu Hà	2
11	Văn hoá doanh nghiệp, Văn hoá tổ chức, Văn hoá công sở...	TS. Trần Thị Hiền TS. Đặng Thị Hương	1
12	Văn hoá kinh tế, kinh doanh/Văn hoá doanh nhân của quốc gia hoặc theo ngành nghề, vùng miền, địa phương.	TS. Trần Thị Hiền TS. Nguyễn Thùy Dung	1
13	Đạo đức kinh doanh và Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, hiệp hội; Quản trị, phát triển doanh nghiệp xã hội.	TS. Trần Thị Hiền TS. Đặng Thị Hương TS. Phạm Vũ Thắng	1

TT	Hướng nghiên cứu	Họ tên, học vị chức danh người có thể hướng dẫn NCS	Số NCS có thể nhận
14	<ul style="list-style-type: none"> - Lý luận/lý thuyết và sự vận dụng ở nước ta về lãnh đạo, quản lý; Văn hoá lãnh đạo, quản lý; Mối quan hệ giữa văn hoá và lãnh đạo. - Nâng cao/phát triển năng lực lãnh đạo cho các cá nhân và tổ chức (doanh nghiệp hoặc các tổ chức công quyền, sự nghiệp, ngành, địa phương...) - Thể chế, mô hình, phong cách, hiệu quả lãnh đạo và phương pháp đo lường, đánh giá. - Nghiên cứu và vận dụng các tư tưởng, lý thuyết, phương pháp mới vào các lĩnh vực hoạt động giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhân tài trong phạm vi quốc gia, ngành, địa phương, tổ chức. 	<p>PGS.TS. Hoàng Văn Hải TS. Lưu Thị Minh Ngọc TS. Trần Thị Hiền</p>	1

2.4. Ngành Tài chính - Ngân hàng

TT	Hướng nghiên cứu	Họ tên, học vị chức danh người có thể hướng dẫn NCS	Số NCS có thể nhận
1	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách và quản lý chi tiêu công - Thuế - Tài chính doanh nghiệp - Ngân hàng 	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	1-2
2	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tài chính - Lập kế hoạch chiến lược - Quản lý ngân sách địa phương - Đầu tư tài chính, quản trị rủi ro 	PGS.TS. Lê Trung Thành	1-2
3	<ul style="list-style-type: none"> - Tài chính cá nhân, giáo dục tài chính và phổ cập tài chính - Dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại (ngân hàng số, công ty fintech..) 	TS. Đinh Thị Thanh Vân	1-2
4	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý hoạt động ngân hàng - Thực tiễn về quản lý tiền tệ- lãi suất - Hoạt động tài chính vi mô: tài chính tiêu dùng và tài chính doanh nghiệp xã hội 	TS. Nguyễn Phú Hà	1-2
5	<ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề tài chính vĩ mô - Kinh tế xanh 	TS. Trần Thị Vân Anh	1-2
6	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị rủi ro và các công cụ phái sinh - Phân tích và đầu tư tài chính - Tài chính cho phát triển bền vững 	TS. Nguyễn Thị Nhung	1-2

TT	Hướng nghiên cứu	Họ tên, học vị chức danh người có thể hướng dẫn NCS	Số NCS có thể nhận
7	<ul style="list-style-type: none"> - Tài chính doanh nghiệp - Quản trị rủi ro tài chính - Quản lý danh mục đầu tư 	TS. Vũ Thị Loan	1-2
8	<ul style="list-style-type: none"> - Tài chính doanh nghiệp, Quản trị rủi ro tài chính - Quản lý tài chính cá nhân, giáo dục tài chính và phổ cập tài chính - Tài chính phát triển bền vững. 	TS. Trịnh Thị Phan Lan	1-2
9	<ul style="list-style-type: none"> - Học máy trong lĩnh vực tài chính - Khủng hoảng tài chính / phá sản - Hiệu quả hoạt động của Ngân hàng - Nghiên cứu sự kiện trong tài chính 	TS. Lê Hồng Hạnh	1-2
10	<ul style="list-style-type: none"> - Tái cấu trúc ngân hàng - Quản trị công ty trong ngân hàng - Quản trị tài chính - Định giá doanh nghiệp 	PGS. TS. Trần Thị Thanh Tú	1-2
11	<ul style="list-style-type: none"> - Mối quan hệ giữa lãi suất và các biến số kinh tế - Tỷ giá, khu vực tiền tệ, đôla hóa nền kinh tế - Ngân sách, huy động các nguồn lực tài chính. 	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn	1-2
12	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị tài chính - Quản lý hoạt động ngân hàng 	PGS.TS. Trịnh Thị Hoa Mai	1-2

TT	Hướng nghiên cứu	Họ tên, học vị chức danh người có thể hướng dẫn NCS	Số NCS có thể nhận
13	<ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách - Quản lý hoạt động ngân hàng, quản lý tài chính doanh nghiệp 	PGS.TS. Trần Thị Thái Hà	1-2
14	<ul style="list-style-type: none"> - Tài chính doanh nghiệp - Quản lý hoạt động ngân hàng - Tỷ giá, lãi suất 	TS. Nguyễn Thế Hùng	1-2

2.5. Chuyên ngành Quản lý kinh tế

TT	Hướng nghiên cứu	Họ tên, học vị chức danh người có thể hướng dẫn NCS	Số NCS có thể nhận
1	Quản lý và lãnh đạo trong khu vực công	GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp PGS.TS Nguyễn Trúc Lê	1 - 3
2	Quản lý an ninh kinh tế	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê PGS.TS Nguyễn Thị Thu Hoài TS. Tô Thế Nguyên	1 - 3
3	Quản lý tài nguyên môi trường	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp TS. Tô Thế Nguyên TS. Hoàng Thị Hương TS. Nguyễn Thị Lan Hương	1 - 3
4	Quản lý khoa học công nghệ	PGS.TS Trần Đức Hiệp TS. Nguyễn Thùy Anh TS. Tô Thế Nguyên	1 - 3
5	Quản lý nhân lực	GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Trần Đức Hiệp TS. Lê Thị Hồng Điệp	1 - 3
6	Quản lý tài chính	GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Nguyễn Trúc Lê TS, Nguyễn Thị Hương Lan	1 - 3
7	Quản lý các tập đoàn, doanh nghiệp	GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Nguyễn Trúc Lê PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp	1 - 3
8	Quản lý kinh tế các địa phương, khu vực	GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Nguyễn Trúc Lê PGS.TS Trần Đức Hiệp	1 - 3
9	Quản lý tri thức	GS.TS Phan Huy Đường PGS.TS Nguyễn Trúc Lê	1 - 3

Phụ lục 3

Cách tính điểm để xếp loại thí sinh, quy trình và tiêu chí xét tuyển NCS

(Kèm theo Thông báo số /TB-DHKT ngày tháng 02 năm 2022 của Trường Đại học Kinh tế -ĐHQGHN)

3.1. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh:

- Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: năng lực kiến thức chuyên môn, sự rõ ràng về ý tưởng đối với mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu, tính khả thi của đề tài và kế hoạch nghiên cứu, những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh. Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá cho điểm thí sinh về các nội dung này.

- Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển (kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng đề cương nghiên cứu thông qua sự hiểu biết của thí sinh về lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu, nội dung và phương pháp nghiên cứu, dự kiến kết quả nghiên cứu và kế hoạch học tập được trình bày trong đề cương nghiên cứu sinh; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong thư giới thiệu và phần trình bày, trả lời các câu hỏi của thí sinh); xác định danh mục các học phần cần bổ sung (nếu có) của từng thí sinh.

- Ứng viên dự tuyển nghiên cứu sinh phải trình hồ sơ và báo cáo đề cương nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển và đề cương nghiên cứu sinh, cho điểm đánh giá theo Hướng dẫn của ĐHQGHN với thang điểm tối đa là 100 và gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh. Người đạt yêu cầu được xét tuyển phải có điểm đánh giá hồ sơ và đề cương nghiên cứu tối thiểu đạt 60/100.

- Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc ĐHQGHN (đối với đơn vị đào tạo trực thuộc) hoặc thủ trưởng đơn vị đào tạo (đối với đơn vị đào tạo thành viên) quyết định việc bảo vệ đề cương bằng tiếng nước ngoài để kiểm tra năng lực trình bày và diễn đạt chuyên môn bằng ngoại ngữ của người dự tuyển.

- Căn cứ các yêu cầu và thang điểm đánh giá, tiểu ban chuyên môn tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

- Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh đã được Giám đốc ĐHQGHN quyết định cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh, trình thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét và báo cáo Ban Chỉ đạo tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN phê duyệt.

3.2. Tiêu chí đánh giá HSCM:

HSCM được đánh giá theo thang điểm 100 với các tiêu chí sau đây:

- Kết quả học tập ở bậc thạc sĩ hoặc cử nhân: được cho tối đa 15 điểm

Tiêu chí này nhằm đánh giá năng lực học tập của thí sinh thông qua kết quả học tập đã đạt được ở bậc thạc sĩ (đối với thí sinh dự tuyển từ thạc sĩ) hoặc ở bậc cử nhân (đối với thí sinh dự tuyển từ cử nhân và tương đương). Việc đánh giá và cho điểm dựa trên điểm trung bình chung các môn học ở bậc đào tạo thạc sĩ hoặc cử nhân có tính đến uy tín chất lượng của đơn vị đã đào tạo.

- Thành tích nghiên cứu khoa học: được cho tối đa 15 điểm

Tiêu chí này nhằm đánh giá năng lực nghiên cứu khoa học của thí sinh thông qua các thành tích nghiên cứu khoa học đã đạt được. Việc đánh giá và cho điểm dựa trên các giải thưởng nghiên cứu khoa học cấp Bộ và tương đương trở lên hoặc các bài báo khoa học đã được đăng trên Tạp chí khoa học, Tuyển tập công trình hội nghị khoa học (có phản biện) thuộc lĩnh vực chuyên ngành đăng ký đào tạo.

Các giải thưởng hoặc bài báo khoa học có nhiều người tham gia thì điểm được chia đều cho từng người. Với thí sinh có nhiều giải thưởng và nhiều bài báo, điểm cho phần này bằng tổng điểm của các giải thưởng và các bài báo nhưng không vượt quá mức tối đa 15 điểm.

- Năng lực ngoại ngữ: được cho tối đa 10 điểm

Tiêu chí này nhằm đánh giá thêm năng lực ngoại ngữ của thí sinh thông qua các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế có kết quả cao. Việc đánh giá và cho điểm dựa trên văn bằng hoặc chứng chỉ có số điểm cao nhất đang trong thời hạn 2 năm tính từ ngày thi lấy chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển đào tạo bậc tiến sĩ.

- Ý kiến đánh giá và ủng hộ trong thư giới thiệu: được cho tối đa 10 điểm

Tiêu chí này nhằm đánh giá năng lực và phẩm chất của thí sinh thông qua mức độ ủng hộ trong thư giới thiệu có cân nhắc tới tính khách quan và xác thực.

- Đề cương nghiên cứu: được cho tối đa 40 điểm

Tiêu chí này nhằm đánh giá ý nghĩa khoa học và thực tiễn cũng như tính khả thi của đề tài nghiên cứu thông qua nội dung, hình thức đề cương nghiên cứu. Việc đánh giá và cho điểm dựa trên: *giá trị khoa học và thực tiễn của của đề tài nghiên cứu* thông qua sự phù hợp với chuyên ngành đăng ký đào tạo, tính thời sự và sáng tạo, sự rõ ràng của mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu, triển vọng ứng dụng kết quả nghiên cứu; *mức độ khả thi của đề tài nghiên cứu* thông qua năng lực, kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh đối với đề tài nghiên cứu, dự kiến kế hoạch thực hiện đề tài nghiên cứu hợp lí.

- Phần trình bày của thí sinh: được cho tối đa 10 điểm

Tiêu chí này nhằm đánh giá thí sinh về các mặt: tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về phương pháp, nội dung nghiên cứu, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh. Trường hợp cần thiết, có thể đánh giá năng lực giao tiếp bằng Tiếng Anh trong chuyên môn.

3.3. Xét tuyển:

Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển trình độ tiến sĩ phải có tổng điểm hồ sơ và đề cương nghiên cứu đạt điểm từ 60 điểm trở lên, trong đó điểm đề cương nghiên cứu tối thiểu phải đạt 25/40 điểm. Thí sinh đăng ký xét cấp học bổng được đơn vị đề nghị Giám đốc ĐHQGHN xem xét cấp học bổng phải đạt tối thiểu 80/100 điểm.

Điểm trúng tuyển được Quyết định theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo.

Phụ lục 4
Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4
theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHKT ngày tháng 02 năm 2022
của Trường Đại học Kinh tế -ĐHQGHN)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kỹ năng)	Cambridge Exam	Aptis (Hội đồng Anh)	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	460 ITP 42 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	B1 (General)	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	B2 (General)	VSTEP.3-5 (6.0)

Phụ lục 5
Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Tiếng Anh được công nhận trong
tuyển sinh thạc sĩ tại ĐHQGHN

*(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHKT ngày tháng 02 năm 2022
của Trường Đại học Kinh tế -ĐHQGHN)*

5.1 Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

STT	Cơ sở đào tạo	Ghi chú
1	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
2	Trường ĐH Hà Nội	
3	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	
4	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	
5	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	
6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	
7	ĐH Thái Nguyên	
8	Trường ĐH Cần Thơ	
9	Trường ĐH Vinh	
10	Học viện An ninh nhân dân	

() Đối với chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh: các cơ sở đào tạo có số thứ tự từ 1 đến 8 được cấp từ ngày 15/5/2019, các cơ sở đào tạo còn lại được cấp từ ngày 08/5/2020.*

5.2. Các chứng chỉ Tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận				
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	Aptis
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	√		
2.	British Council (BC)	√				√
3.	International Development Program (IDP)	√				
4.	Cambridge ESOL	√			√	

Phụ lục 6

Danh mục tài liệu kèm hồ sơ nhập học

*(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHKT ngày tháng 02 năm 2022
của Trường Đại học Kinh tế -ĐHQGHN)*

6.1. Hồ sơ nhập học thạc sĩ nộp khi trúng tuyển gồm:

- 6.1.1. Bản sao công chứng bằng và bảng điểm đại học. (Giấy chứng nhận công nhận văn bằng do Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp)
- 6.1.2. Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức (nếu có).
- 6.1.3. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hiện đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú (thời hạn trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).
Lưu ý: Ảnh trên sơ yếu lý lịch phải có dấu giáp lai của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú
- 6.1.4. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa hoặc trung tâm y tế cấp Quận/Huyện trở lên (thời hạn trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).
- 6.1.5. Bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn, kèm theo công văn xác nhận thời gian công tác của thủ trưởng cơ quan để chứng nhận thâm niên công tác phù hợp với từng chuyên ngành dự thi (theo quy định).
- 6.1.6. Quyết định cử đi học của cơ quan chủ quản: 01 bản (nếu có);
- 6.1.7. Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có).
- 6.1.8. Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng được miễn thi môn Tiếng Anh (nếu có).
- 6.1.9. Bản cam đoan tính hợp lệ của văn bằng, chứng chỉ đã nộp.
- 6.1.10. 03 ảnh màu 4x6 (chụp trong vòng 6 tháng) ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, ngành dự thi vào mặt sau ảnh.
- 6.1.11 01 Bản sao có công chứng chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước

Lưu ý: -Các đối tượng sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp lệ trong các kỳ thi tuyển sinh sau đại học ở ĐHQGHN sẽ không được tham gia dự thi trong năm đó và 2 năm tiếp theo. Hồ sơ tuyển sinh và nhập học không trả lại.

6.2. Hồ sơ nhập học tiến sĩ nộp khi trúng tuyển gồm:

- 6.2.1. Bản sao công chứng: Bằng và bảng điểm đại học; Bằng và bảng điểm thạc sĩ. (Giấy chứng nhận công nhận văn bằng của Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp)
- 6.2.2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hiện đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú (thời hạn trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).
Lưu ý: Ảnh trên sơ yếu lý lịch phải có dấu giáp lai của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú
- 6.2.3. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa hoặc trung tâm y tế cấp Quận/Huyện trở lên (thời hạn trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).

6.2.4. Công văn cử đi học của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức) (theo mẫu).

6.2.5. Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đủ trình độ Tiếng Anh dự thi tiến sĩ

6.2.6. Bản cam đoan tính hợp lệ của văn bằng, chứng chỉ đã nộp.

6.2.7. 03 ảnh màu 4x6 (chụp trong vòng 6 tháng) ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, ngành dự thi vào mặt sau ảnh.

6.2.8. 01 Bản sao có công chứng chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước

Lưu ý: - Các đối tượng sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp lệ trong các kỳ thi tuyển sinh sau đại học ở ĐHQGHN sẽ không được tham gia dự thi trong năm đó và 2 năm tiếp theo. Hồ sơ tuyển sinh và nhập học không trả lại.

- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức)

6.3. Hồ sơ dự thi tuyển sinh tiến sĩ gồm:

6.3.1. Phiếu đăng ký dự thi đào tạo tiến sĩ theo mẫu có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú.

6.3.2. Bản sao công chứng: Bằng và bảng điểm đại học; Bằng và bảng điểm thạc sĩ. (Giấy chứng nhận công nhận văn bằng của Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp)

6.3.3. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú (thời hạn 6 tháng) (theo mẫu).

Lưu ý: Ảnh trên sơ yếu lý lịch phải có dấu giáp lai của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú

6.3.4. Lý lịch khoa học (theo mẫu).

6.3.5. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa hoặc trung tâm y tế cấp Quận/Huyện trở lên (thời hạn trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).

6.3.6. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức) (theo mẫu).

6.3.7. Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đủ trình độ Tiếng Anh dự thi tiến sĩ.

6.3.8. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (theo mẫu).

6.3.9. Các công trình khoa học: Trong thời hạn 3 năm (36 tháng) tính đề ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kì yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh của ngành/liên ngành công nhận. Đối với những người đã có bằng thạc sĩ nhưng hoàn thành luận văn thạc sĩ với khối lượng học tập dưới 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ thì phải có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo khoa học.(đóng quyển bìa xanh, nộp 06 bản) (theo mẫu).

6.3.10. Đề cương nghiên cứu (đóng quyển bìa xanh, nộp 06 bản) (theo mẫu).

6.3.11. Bản sao có công chứng QĐ tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn, kèm theo công văn xác nhận thời gian công tác của thủ trưởng cơ quan để chứng nhận thâm niên công tác phù hợp với từng chuyên ngành dự thi.

6.3.12. Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có)

6.3.13. Bản cam đoan tính hợp lệ của văn bằng, chứng chỉ đã nộp (theo mẫu).

6.3.14. 03 ảnh màu 4x6 (chụp trong vòng 6 tháng) ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, ngành dự thi vào mặt sau ảnh và 02 phong bì có dán sẵn tem ghi rõ địa chỉ người nhận.

Lưu ý: Các đối tượng sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp lệ trong các kỳ thi tuyển sinh sau đại học ở ĐHQGHN sẽ không được tham gia dự thi trong năm đó và 2 năm tiếp theo. Hồ sơ tuyển sinh và nhập học không trả lại.

Biểu mẫu hồ sơ tại phụ lục 10

Phụ lục 7

Biểu mẫu hồ sơ xét tuyển tiến sĩ

*(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHKT ngày tháng 02 năm 2022
của Trường Đại học Kinh tế -ĐHQGHN)*

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ HỒ SƠ CHO THÍ SINH DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO BẬC TIẾN SĨ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQGHN NĂM 2022

7.1. Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh (NCS):

1. Phiếu đăng ký dự thi đào tạo tiến sĩ theo mẫu có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (theo mẫu 1).

2. Bản sao công chứng: Bằng và bảng điểm đại học; Bằng và bảng điểm thạc sĩ. (Giấy chứng nhận công nhận văn bằng do Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp)

3. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú (thời hạn 6 tháng) (theo mẫu 2).

Lưu ý: Ảnh trên sơ yếu lý lịch phải có dấu giáp lai của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú

4. Lý lịch khoa học (theo mẫu 3).

5. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa hoặc trung tâm y tế cấp Quận Huyện trở lên (thời hạn trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).

6. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức) (theo mẫu 4).

6. Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đủ trình độ Tiếng Anh dự thi tiến sĩ.

8. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (theo mẫu 5).

9. Các công trình khoa học: Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận. Đối với những người đã có bằng thạc sĩ nhưng hoàn thành luận văn thạc sĩ với khối lượng học tập dưới 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ thì phải có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo khoa học (đóng quyền, nộp 06 bản) (theo mẫu 6).

10. Đề cương nghiên cứu (đóng quyển, nộp 06 bản) (theo mẫu 6)

11. Bản sao có công chứng QĐ tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn, kèm theo công văn xác nhận thời gian công tác của thủ trưởng cơ quan để chứng nhận thâm niên công tác phù hợp với từng chuyên ngành dự thi

12. Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có)

13. Bản cam đoan tính hợp lệ của văn bằng, chứng chỉ đã nộp. (theo mẫu 8)

14. 03 ảnh màu 4x6 (chụp trong vòng 6 tháng) ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, ngành dự thi vào mặt sau ảnh và 02 phong bì có dán sẵn tem ghi rõ địa chỉ người nhận.

Lưu ý: Các đối tượng sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp lệ trong các kỳ thi tuyển sinh sau đại học ở ĐHQGHN sẽ không được tham gia dự thi trong năm đó và 2 năm tiếp theo. Hồ sơ tuyển sinh và nhập học không trả lại.

7.2. Danh mục ngành và mã ngành đào tạo tại Trường Đại học kinh tế - ĐHQGHN như sau:

Stt	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Mã số
1	Ngành Kinh tế chính trị/ Chuyên ngành: Kinh tế chính trị	9310102
2	Ngành Kinh tế quốc tế/Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế	9310106
3	Ngành Quản trị kinh doanh/Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh	9340101
4	Ngành Tài chính-Ngân hàng/Chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng	9340201
5	Ngành Quản lý kinh tế/Chuyên ngành Quản lý kinh tế	9340410

7.3. Các biểu mẫu kèm theo:

- Phiếu đăng ký dự thi
- Sơ yếu lý lịch
- Lý lịch khoa học
- Công văn cử đi dự thi NCS của cơ quan
- Mẫu thư giới thiệu dự thi NCS
- Mẫu bìa đóng các công trình khoa học
- Mẫu bìa, Nội dung và hình thức Đề cương nghiên cứu
- Bản cam đoan tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------

=====

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI ĐÀO TẠO TIẾN SĨ NĂM 20
TẠI HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): 2. Giới tính:
3. Ngày sinh: 4. Nơi sinh:
5. Nơi ở hiện nay:
6. Đối tượng dự thi:

- Thí sinh tự do		<input type="checkbox"/>
- Cơ quan cử:	Cơ quan hành chính sự nghiệp	<input type="checkbox"/>
	Cơ quan khác	<input type="checkbox"/>
6. Cơ quan công tác hiện nay:
8. Chuyên môn công tác: 9. Chức vụ:
10. Thâm niên nghề nghiệp (số năm công tác trong lĩnh vực ĐKĐT):
.....
11. Văn bằng đại học: Tốt nghiệp ngành: loại.....
hệ tại trường năm
12. Văn bằng thạc sĩ: Tốt nghiệp chuyên ngành:
ngành tại trường năm
13. Số lượng bài báo khoa học đã công bố:.....
14. Đối tượng ưu tiên (nếu có ghi rõ đối tượng):
Giấy tờ minh chứng cho đối tượng ưu tiên:
-
15. Đăng ký đào tạo tiến sĩ tại: *Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN*
16. Chuyên ngành đăng ký dự thi: Mã số:
16. Chứng chỉ Tiếng Anh:
18. Địa chỉ liên hệ:.....Điện thoại:
-, ngày tháng năm

Xác nhận của cơ quan hiện đang công tác
(Hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú,
nếu là thí sinh tự do)

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ảnh 4cm x 6cm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 ----oOo----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên: **Nam, nữ:**.....

Sinh năm:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:

.....

Chứng minh thư nhân dân số: **Cấp tại:**.....

Ngày.....tháng.....năm 200...

Khi cần báo tin cho ai, ở đâu? (*Ghi rõ địa chỉ người nhận, điện thoại cố định, di động*)

.....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:

Sinh ngày **tháng** **năm** **Tại:**

Nguyên quán: **Dân tộc:**.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :

Nơi ở hiện nay:

Đảng / Đoàn viên:.....**Ngày vào:**.....**Nơi vào:**.....

Trình độ văn hóa: **Xếp loại TN:**.....

Trình độ chuyên môn: (đã tốt nghiệp CĐ; ĐH) **Xếp loại TN:**

Trình độ ngoại ngữ:.....**Xếp loại:**

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BẢN THÂN

Từ tháng năm đến tháng năm	Làm công tác gì	Ở đâu	Giữ chức vụ gì

KHEN THƯỞNG VÀ KỈ LUẬT

Khen thưởng:.....

Kỉ luật:.....

II. THÔNG TIN GIA ĐÌNH

1. Họ và tên bố:..... **Năm sinh:**.....

Nghề nghiệp

Nơi làm việc:.....

Nơi ở hiện nay:.....

2. Họ và tên mẹ:**Năm sinh:**

Nghề nghiệp

Nơi làm việc:.....

Nơi ở hiện nay :.....

3. Họ và tên vợ/chồng: **Năm sinh:**.....

Nghề nghiệp

Nơi làm việc:.....

Nơi ở hiện nay:.....

4. Các con: (Tên, năm sinh).....

.....

.....

5. Anh chị em ruột: (tên, năm sinh, nghề nghiệp, nơi làm việc, chỗ ở).....

.....

.....

.....

.....

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có điều gì khai man tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Xác nhận của cơ quan hiện đang công tác
(Hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú)

Ngàytháng.....năm.....
Người khai ký tên

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(của ứng viên dự tuyển tiến sĩ)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Ngày, tháng, năm sinh: _____ Nơi sinh: _____
 Quê quán: _____ Dân tộc: _____
 Địa chỉ liên lạc: _____
 Điện thoại: _____ E-mail: _____

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

- Đại học (*ghi hệ đào tạo, nơi đào tạo, ngành và năm tốt nghiệp*)
- Thạc sĩ (*ghi hệ đào tạo, nơi đào tạo, ngành và năm tốt nghiệp và tên luận văn*)
- Ngoại ngữ: (*ghi tên ngoại ngữ chính và chứng chỉ - nếu có*)

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

1. Quá trình công tác

Thời gian (từ đến ...)	Nơi công tác	Công việc đảm trách/chức vụ.

IV. QUÁ TRÌNH THAM GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (nếu có)

1. Tham gia nghiên cứu khoa học (*liệt kê các đề tài đã thực hiện/tham gia*)

TT	Tên đề tài	Tình trạng (hoàn thành/ đang thực hiện)	Đề tài cấp (Cơ sở, tỉnh, bộ, hợp tác quốc tế)	Trách nhiệm trong đề tài (<i>chủ nhiệm/tham gia</i>)
1				
2				

- Các công trình nghiên cứu khoa học (bài báo/sách,...) đã công bố (*liệt kê gồm tên các tác giả; năm, tên công trình (nếu là bài báo thì ghi tên tạp chí, số của tạp chí và trang bài báo; nếu là sách thì ghi nhà xuất bản và số trang)*)

Ngày tháng năm 20.....

Người viết

(Ký và ghi rõ họ tên)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngàythángnăm.....

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Sau đại học Trường Đại học Kinh tế -
Đại học Quốc Gia Hà Nội

Cơ quan:

Đồng ý cử Ông (Bà):.....

Sinh ngày:

Hiện nay phụ trách công việc:

Bắt đầu từ:đến.....

Là cán bộ trong biên chế (hoặc hợp đồng dài hạn) của cơ quan đến Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN làm thủ tục dự thi tuyển sinh. Nếu trúng tuyển cơ quan chúng tôi sẽ cử đi học sau đại học chuyên ngành:

Thuộc cấp đào tạo (thạc sĩ, tiến sĩ):

Đề nghị Quý Hội đồng xem xét và tạo điều kiện cho Ông (Bà):.....

Đạt kết quả tốt trong kỳ thi tuyển sinh sau đại học nămvà học tập tại Trường (nếu trúng tuyển).

Xin trân trọng cảm ơn!

Thủ trưởng cơ quan
(ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----o0o----

THƯ GIỚI THIỆU
NGƯỜI DỰ TUYỂN TIẾN SĨ

Kính gửi: Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học
Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN

Tôi tên là:

Học vị, học hàm:Năm công nhận:

Chuyên ngành:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Điện thoại:

Cơ quan: Fax

Nhà riêng:.....

Di động:.....

Email:

Tôi đã có thời gian công tác, hoạt động chuyên môn với ông/bà:

là người dự tuyển nghiên cứu sinh của Trường chuyên ngành:

Tôi có những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người dự tuyển như sau:

1. Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp:.....
.....
2. Năng lực hoạt động chuyên môn:
3. Phương pháp làm việc:
4. Khả năng nghiên cứu:
5. Khả năng làm việc theo nhóm:
6. Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển:
7. Triển vọng phát triển về chuyên môn:

.....
8. Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu người dự tuyển làm tiến sĩ:
.....
.....

9. Khả năng có thể làm người hướng dẫn thí sinh dự tuyển Nghiên cứu sinh này:
.....

Nếu nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết của đề tài, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh và các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

Tôi xin cam đoan những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người dự tuyển nghiên cứu sinh là hoàn toàn trung thực và khách quan. Xin trân trọng giới thiệuvới Nhà trường để đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh năm 20...

Xin chân thành cảm ơn.

Cơ quan hoặc Địa phương xác nhậnNgười khai
ký và ghi rõ họ tên
(ký tên, đóng dấu)

Người giới thiệu
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC

TÊN ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

Chuyên ngành:

Mã số:

Họ và tên thí sinh:

Cơ quan công tác:

Mục lục

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC

1. Họ và tên tác giả, tên công trình khoa học..., tên tạp chí, số trang....., trang từ ... đến ..., năm xuất bản.

Ví dụ: Bùi Đại Dũng, “Một số yếu tố tác động đến chi tiêu Chính phủ”, *Nghiên cứu Kinh tế*, số 288, tr.46-52, 2002

2.

Quyển đóng công trình khoa học gồm:

1. Bìa
2. Danh mục các công trình khoa học
3. Bìa và mục lục công trình khoa học thứ nhất
4. Nội dung công trình khoa học thứ nhất
5. Bìa và mục lục công trình khoa học thứ hai
6. Nội dung công trình khoa học thứ hai
7.

Hướng dẫn

Đề cương nghiên cứu của ứng viên dự tuyển tiến sĩ

1. Yêu cầu đối nội dung với đề cương nghiên cứu của thí sinh

Đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

Đề cương khoảng 20 trang (không bao gồm bìa), gồm những nội dung chính sau đây:

1.1. Tên đề cương nghiên cứu (không quá 30 từ)

1.2. Người thực hiện

1.3. Đơn vị công tác (nếu có)

1.4. Đề cương sơ bộ dự kiến

1.4.1. Lý do chọn đề tài

- Tại sao thí sinh lựa chọn hướng nghiên cứu này? Vấn đề đặt ra có cần thiết phải nghiên cứu không?

- Sự phù hợp của hướng nghiên cứu với chuyên ngành đào tạo?

- Câu hỏi nghiên cứu của thí sinh đối với hướng nghiên cứu.

1.4.2. Tổng quan những tài liệu liên quan đến tình hình nghiên cứu

- Thí sinh trình bày một cách tổng quát được những tài liệu trong nước và quốc tế mình đã nghiên cứu liên quan đến hướng nghiên cứu đề tài.

- Thí sinh phải nêu được những vấn đề đã được giải quyết trong những tài liệu nêu trên đối với hướng nghiên cứu và những vấn đề chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa thấy đáo đối với câu hỏi nghiên cứu do học viên đặt ra.

- Lưu ý: Tổng quan tình hình nghiên cứu không phải là sự liệt kê tài liệu, các tài liệu nghiên cứu không phải là giáo trình, sách giáo khoa.

1.5. Phương pháp nghiên cứu/ Mô hình lý thuyết

- Phương pháp nghiên cứu/ mô hình lý thuyết nào được sử dụng? Tại sao? (đặc biệt coi trọng các học viên áp dụng các mô hình lý thuyết, phương pháp nghiên cứu hiện đại, nghiên cứu định lượng hiện đại...)

- Trình bày khái quát phương pháp nghiên cứu/ mô hình lý thuyết được sử dụng?

1.6. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của thí sinh lựa chọn là gì?
- Phạm vi nghiên cứu như thế nào: Phải phù hợp với vấn đề nghiên cứu và quy mô (không gian và thời gian)? Tại sao?

1.7. Dự kiến bố cục các chương và các tiêu mục đến 3 chữ số

1.7.1. Lý do chọn cơ sở nghiên cứu (1 trang)

1.7.2. Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học nghiên cứu sinh

1.8. Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn

- Học phần đào tạo trình độ tiến sĩ
- Chuyên đề tiến sĩ
- Phần nghiên cứu khoa học
- Phần thực hiện luận án

1.9. Kiến thức chuyên môn của người dự tuyển tiến sĩ

- Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn
- Kiến thức, sự hiểu biết và sự chuẩn bị của thí sinh về vấn đề nghiên cứu.

1.10. Dự kiến việc làm và các hướng nghiên cứu sau khi tốt nghiệp

1.11. Đề xuất người hướng dẫn (không quá 2, trong đó có một người hướng dẫn chính)

1.12. Danh mục tài liệu tham khảo

1.13. Người dự tuyển ký (và ghi rõ họ tên) xác nhận cuối Đề cương.

II. Yêu cầu về trình bày

2.1. Yêu cầu chung

- Đề cương phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xoá, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị.

2.2. Soạn thảo văn bản:

- Đề cương được sử dụng chữ VnTime (hoặc Times New Roman) cỡ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5cm; lề dưới 3cm; lề trái 3,5cm; lề phải 2cm.

- Số trang được đánh ở giữa, phía dưới mỗi trang giấy.

- Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.

- Không có Header and Footer

- Không yêu cầu có phụ lục

- Tài liệu tham khảo: trình bày theo mẫu đính kèm

- Bìa Đề cương: màu xanh theo mẫu đính kèm

MẪU TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Quách Ngọc Ân (1992), “Nhìn lại hai năm phát triển lúa lai”, *Di truyền học ứng dụng*, 98(1), Tr. 10-16.
2. Bộ Nông nghiệp & PTNT (1996), *Báo cáo tổng kết 5 năm (1992 – 1996) phát triển lúa lai*, Hà Nội.
3. Nguyễn Hữu Đông, Đào Thanh Bằng, Lâm Quang Dự, Phan Đức Trực (1996), *Đột biến – Cơ sở lý luận và ứng dụng*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Gấm (1996), *Phát hiện và đánh giá một số dòng bất dục đực cảm ứng nhiệt độ*, Luận văn thạc sỹ khoa học Nông nghiệp, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.

...

23. Võ Thị Kim Huệ (2000), *Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị bệnh, ...*, Luận án tiến sỹ Y khoa, Trường Đại học Y Hà Nội, Hà Nội.

Tiếng Anh

28. Anderson, J. E. (1985), “The Relative Inefficiency of Quota, The Cheese Case”, *American Economic Review*, 65(1), pp. 168-190.
29. Borkakati, R. P., Virmani, S. S. (1996), “Genetics of thermosensitive genic male sterility in Rice”, *Euphytica*, 88, pp. 1-6.
30. Boulding, K.E. (1955), *Economics Analysis*, Hamish Hamish, London.
31. Burton, G. W. (1988), “Cytoplasmic male-sterility in pearl millet (*pennisetum glaucum* L.), *Agronomic Journal*, 50, pp.230-231.
32. Central Statistical Organisation (1995), *Statistical Year Book*, Beijing.
33. FAO (1961), *Agricultural Commodity Projections (1960-1980)*, Vol. II. Rome.
34. Institute of Economics (1988), *Analysis of Expenditure Pattern of Urban Households in Vietnam*, Department of Economics, Economic Research Report, Hanoi.

Website:

35. <http://dantri.com.vn>

36. <http://vnexpress.net>

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

Tên đề cương nghiên cứu:

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

Chuyên ngành:

Mã số:

Họ và tên thí sinh:

Cơ quan công tác:

HÀ NỘI -

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc
 ---o0o---

GIẤY CAM ĐOAN

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh SDH Trường ĐH Kinh tế, ĐHQGHN

Tên tôi là:.....

Ngày sinh:

Nơi sinh :

Số điện thoại liên hệ :

Đăng ký dự thi thạc sĩ chuyên ngành :

Tại Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN đợt năm 20....

Tôi xin cam kết các giấy tờ nộp trong hồ sơ tuyển sinh đúng pháp lý bao gồm :

- Bản sao có xác nhận công chứng bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học
- Bản sao có xác nhận công chứng bằng tốt nghiệp và bằng điểm thạc sĩ
- Bản sao có xác nhận công chứng chứng chỉ Tiếng Anh (nếu có) của trường :....
- Hồ sơ minh chứng đối tượng ưu tiên (nếu có) :.....

Tôi xin cam đoan hồ sơ dự thi tuyển sinh của tôi là sự thật, đúng và đủ theo tiêu chuẩn, điều kiện qui chế tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN và Bộ GD&ĐT. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các văn bằng, chứng chỉ và các giấy tờ liên quan khác nộp trong hồ sơ dự thi tuyển sinh, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm và xử lý theo qui chế tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN và Bộ GD&ĐT.

Trân trọng!

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

Phụ lục 8
Biểu mẫu hồ sơ xét tuyển thẳng thạc sĩ

*(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHKT ngày 14 tháng 01 năm 2022
của Trường Đại học Kinh tế -ĐHQGHN)*

1. Phiếu đăng ký dự thi xét tuyển thẳng thạc sĩ theo mẫu có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (theo mẫu 1).

2. Bản sao công chứng: Bằng và bảng điểm đại học

3. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú (thời hạn 6 tháng) (theo mẫu 2).

Lưu ý: Ảnh trên sơ yếu lý lịch phải có dấu giáp lai của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú

4. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa hoặc trung tâm y tế cấp Quận Huyện trở lên (thời hạn trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).

5. Minh chứng ngoại ngữ nếu có.

6. 03 ảnh màu 4x6 (chụp trong vòng 6 tháng) ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, ngành dự thi vào mặt sau ảnh và 02 phong bì có dán sẵn tem ghi rõ địa chỉ người nhận.

Lưu ý: Các đối tượng sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp lệ trong các kỳ thi tuyển sinh sau đại học ở ĐHQGHN sẽ không được tham gia dự thi trong năm đó và 2 năm tiếp theo. Hồ sơ tuyển sinh và nhập học không trả lại.

6. Danh mục ngành và mã ngành đào tạo được xét tuyển thẳng và các biểu mẫu.

6.1. Danh mục ngành và mã ngành đào tạo được xét tuyển thẳng tại Trường Đại học kinh tế - ĐHQGHN như sau:

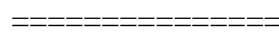
STT	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Mã số
1	Quản trị kinh doanh	8340101
2	Tài chính - Ngân hàng	8340201
3	Kinh tế quốc tế	83410106
4	Kế toán	8340301

6.2. Các biểu mẫu kèm theo:

- Phiếu đăng ký dự thi (mẫu: 01)
- Sơ yếu lý lịch (mẫu: 02)
- Bản cam đoan tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ.(mẫu 03)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI ĐÀO TẠO THẠC SĨ NĂM 20
TẠI HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): 2. Giới tính:
3. Ngày sinh: 4. Nơi sinh:
5. Nơi ở hiện nay:
6. Đối tượng dự thi:

- Thí sinh tự do		<input type="checkbox"/>
- Cơ quan cử:	Cơ quan hành chính sự nghiệp	<input type="checkbox"/>
	Cơ quan khác	<input type="checkbox"/>
6. Cơ quan công tác hiện nay:
8. Chuyên môn công tác: 9. Chức vụ:
10. Thâm niên nghề nghiệp (số năm công tác trong lĩnh vực ĐKDT):
.....
11. Văn bằng đại học: Tốt nghiệp ngành: loại.....
hệ tại trường năm
12. Văn bằng thạc sĩ: Tốt nghiệp chuyên ngành:
ngành tại trường năm
13. Số lượng bài báo khoa học đã công bố:.....
14. Đối tượng ưu tiên (nếu có ghi rõ đối tượng):
Giấy tờ minh chứng cho đối tượng ưu tiên:
-
15. Đăng ký đào tạo tiến sĩ tại: *Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN*
16. Chuyên ngành đăng ký dự thi: Mã số:
16. Chứng chỉ Tiếng Anh:
18. Địa chỉ liên hệ:.....Điện thoại:
-, ngày tháng năm

Xác nhận của cơ quan hiện đang công tác
(Hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú,
nếu là thí sinh tự do)

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ảnh 4cm x 6cm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 ----oOo----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên: **Nam, nữ:**

Sinh năm:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:

.....

Chứng minh thư nhân dân số: **Cấp tại:**

Ngày.....tháng.....năm 200...

Khi cần báo tin cho ai, ở đâu? (Ghi rõ địa chỉ người nhận, điện thoại cố định, di động)

.....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:

Sinh ngày **tháng** **năm** **Tại:**

Nguyên quán: **Dân tộc:**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :

Nơi ở hiện nay:

Đảng / Đoàn viên:..... **Ngày vào:**..... **Nơi vào:**.....

Trình độ văn hóa: **Xếp loại TN:**.....

Trình độ chuyên môn: (đã tốt nghiệp CĐ; ĐH) **Xếp loại TN:**

Trình độ ngoại ngữ:..... **Xếp loại:**

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG BẢN THÂN

Từ tháng năm đến tháng năm	Làm công tác gì	Ở đâu	Giữ chức vụ gì

KHEN THƯỞNG VÀ KỈ LUẬT

Khen thưởng:.....

Kỉ luật:.....

II. THÔNG TIN GIA ĐÌNH

1. Họ và tên bố:..... **Năm sinh:**.....

Nghề nghiệp

Nơi làm việc:.....

Nơi ở hiện nay:.....

2. Họ và tên mẹ:**Năm sinh:**

Nghề nghiệp

Nơi làm việc:.....

Nơi ở hiện nay :.....

3. Họ và tên vợ/chồng: **Năm sinh:**.....

Nghề nghiệp

Nơi làm việc:.....

Nơi ở hiện nay:.....

4. Các con: (Tên, năm sinh).....

.....

.....

5. Anh chị em ruột: (tên, năm sinh, nghề nghiệp, nơi làm việc, chỗ ở).....

.....

.....

.....

.....

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có điều gì khai man tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Xác nhận của cơ quan hiện đang công tác
(Hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú)

Ngàytháng.....năm.....

Người khai ký tên

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc
 ---o0o---

GIẤY CAM ĐOAN

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh SDH Trường ĐH Kinh tế, ĐHQGHN

Tên tôi là:.....

Ngày sinh:

Nơi sinh :

Số điện thoại liên hệ :

Đăng ký dự thi thạc sĩ chuyên ngành :

Tại Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN đợt năm 20....

Tôi xin cam kết các giấy tờ nộp trong hồ sơ tuyển sinh đúng pháp lý bao gồm :

- Bản sao có xác nhận công chứng bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học
- Bản sao có xác nhận công chứng chứng chỉ Tiếng Anh (nếu có) của trường :....
- Hồ sơ minh chứng đối tượng ưu tiên (nếu có) :.....

Tôi xin cam đoan hồ sơ dự thi tuyển sinh của tôi là sự thật, đúng và đủ theo tiêu chuẩn, điều kiện qui chế tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN và Bộ GD&ĐT. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các văn bằng, chứng chỉ và các giấy tờ liên quan khác nộp trong hồ sơ dự thi tuyển sinh, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm và xử lý theo qui chế tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN và Bộ GD&ĐT.

Trân trọng!

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

NGƯỜI LÀM ĐƠN